

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 02 năm 2020

ĐIỂM THI

**PHẦN V.3: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MTTQ VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 40, TẠI TRƯỜNG**

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Anh	1	53	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lý Thế Anh	2	08	6.5	Sáu rưỡi	
3	Hoàng Văn Anh	3	07	6.5	Sáu rưỡi	
4	Hà Văn Bắc	4	25	7.5	Bảy rưỡi	
5	Trần Thị Chang	5	43	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Diễm	6	28	7.5	Bảy rưỡi	
7	Phạm Quang Dương	7	51	7.5	Bảy rưỡi	
8	Trịnh Thị Quý Dương	8	30	7.0	Bảy	
9	Vũ Đại Dương	9	34	8.0	Tám	
10	Hoàng Văn Đại	10	31	7.0	Bảy	
11	Hoàng Công Động	11	35	7.5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Thanh Đức	12	23	7.5	Bảy rưỡi	
13	Tổng văn Đức	13	05	6.5	Sáu rưỡi	
14	Nông Đình Giai	14	62	8.0	Tám	
15	Nguyễn Trọng Hà	15	03	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thanh Hà	16	36	7.0	Bảy	
17	Nguyễn Thị Hằng	17	59	8.0	Tám	
18	Lưu Viết Hành	18	57	7.0	Bảy	
19	Trần Văn Hiếu	19	58	7.5	Bảy rưỡi	
20	Hoàng Văn Hiệu	20	45	6.5	Sáu rưỡi	
21	Ma Phúc Hình	21	42	6.5	Sáu rưỡi	
2	Ma Thanh Hoàn	22	65	7.5	Bảy rưỡi	
23	Bàn Thị Hồng	23	67	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
24	Dương Thị Thanh Huế	24	38	8.0	Tám	
25	Hoàng Văn Hương	25	19	6.0	Sáu	
26	Nguyễn Thị Thu Hường	26	39	8.0	Tám	
27	Tạ Văn Kiên	27	29	6.5	Sáu rưỡi	
28	Lê Thị Lan	28	47	7.0	Bảy	
29	Đỗ Thị Làn	29	16	7.5	Bảy rưỡi	
30	Lăng Văn Lịch	30	48	7.0	Bảy	
31	Dương Thị Liễu	31	56	7.5	Bảy rưỡi	
32	Dương Quang Minh	32	17	7.5	Bảy rưỡi	
33	Tô Văn Mười	33	27	6.5	Sáu rưỡi	
34	Chu Thị Nam	34	15	8.0	Tám	
35	Trần Thúy Ngân	35	40	7.5	Bảy rưỡi	
36	Lý Hoài Ngân	36	63	7.0	Bảy	
37	Triệu Thị Ngọc	37	64	7.5	Bảy rưỡi	
38	Tạ Văn Nguyên	38	33	7.0	Bảy	
39	Dương Văn Nguyên	39	66	7.5	Bảy rưỡi	
40	Nguyễn Thị Nhân	40	55	7.5	Bảy rưỡi	
41	Đỗ Danh Pháp	41	14	7.5	Bảy rưỡi	
42	Hoàng Văn Phước	42	50	7.0	Bảy	
43	Bàn Tài Quân	43	10	6.5	Sáu rưỡi	
44	Dương Văn Quy	44	18	8.0	Tám	
45	Lê Thị Quỳnh	45	61	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Ngọc Sơn	46	11	7.0	Bảy	
47	Tạ Huy Tân	47	21	8.0	Tám	
48	Hoàng Anh Thái	48	46	8.0	Tám	
49	Ma Đình Thành	49	22	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nguyễn Phương Thảo	50	04	7.5	Bảy rưỡi	
51	Trần Đức Thiện	51	20	6.5	Sáu rưỡi	
52	Nguyễn Văn Hóa Thuận	52	26	7.5	Bảy rưỡi	
53	Nguyễn Thị Thúy	53	01	8.0	Tám	
54	Dương Thị Thùy	54	60	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Hoàng Thị Thùy	55	49	7.5	Bảy rưỡi	
56	Phạm Quốc Toàn	56	24	8.0	Tám	
57	Lê Thị Huyền Trang	57	41	8.0	Tám	
58	Nguyễn Thị Trang	58	52	8.0	Tám	
59	Trần Mạnh Tuấn	59	13	7.0	Bảy	
60	Lường Văn Tuấn	60	02	7.0	Bảy	
61	Đoàn Mạnh Tùng	61	06	6.5	Sáu rưỡi	
62	Nguyễn Hà Tùng	62	12	6.5	Sáu rưỡi	
63	Dương Quân Tùng	63	09	8.0	Tám	
64	Đặng Văn Vững	64	32	7.5	Bảy rưỡi	
65	Vi Thị Yến	65	54	7.5	Bảy rưỡi	
66	Dương Văn Đoàn	66	37	7.5	Bảy rưỡi	K41TT-P.V.3
67	Nguyễn Thị Thu Thủy	67	44	8.0	Tám	K47A KTT-P.V.3

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên